

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4554/SNN&PTNT-TCCB**

Thanh Hoá, ngày **21** tháng 11 năm 2019

V/v tham gia dự thảo Giao ước thi đua  
và đăng ký chỉ tiêu thi đua năm 2020.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị  
(Trưởng khối thi đua vùng Trung bộ)

Căn cứ Công văn số 1909/SNN-KTĐ ngày 14/11/2019 của Trưởng khối thi đua vùng Trung bộ về việc tham gia dự thảo Giao ước thi đua và đăng ký chỉ tiêu thi đua năm 2020. Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa tham gia ý kiến dự thảo Giao ước thi đua và đăng ký chỉ tiêu thi đua năm 2020 như sau:

1. Thống nhất với các nội dung của dự thảo Giao ước thi đua năm 2020 do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị, Trưởng khối thi đua và Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Yên, Phó Trưởng khối thi đua xây dựng.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa đăng ký chỉ tiêu thi đua năm 2020 của Sở như sau:

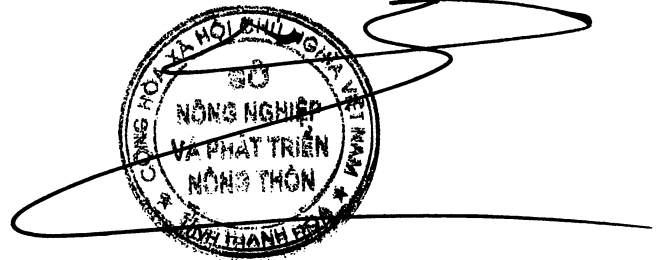
(Có biểu đăng ký thi đua gửi kèm theo).

Đề nghị Trưởng khối thi đua vùng Trung bộ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Đức Giang**

**BẢNG ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU THI ĐUA CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TỈNH THANH HÓA NĂM 2020**

( Kèm theo Công văn số: **4554** /SNNPTNT-TCCB, ngày **21** /11/2019  
của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Các chỉ tiêu thi đua	Đơn vị tính	Đăng ký chỉ tiêu thi đua năm 2020
<b>I</b>	<b>Kết quả sản xuất</b>		
<b>A</b>	<b>Nông nghiệp</b>		
1	Tổng số diện tích gieo trồng	1.000 ha	410,2
2	Tổng sản lượng lương thực	1.000 tấn	1.576,3
3	Tổng diện tích cây công nghiệp dài ngày	1.000 ha	13,5
4	Tổng sản lượng cây công nghiệp dài ngày chính (cao su, cà phê hoặc hồ tiêu...)	1.000 tấn	6,6
5	Tổng số đàn đại gia súc (trâu, bò)	1.000 con	460,0
6	Tổng số đàn lợn	1.000 con	850,0
7	Tổng đàn gia cầm	Triệu con	21,0
8	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	1.000 tấn	240,0
<b>b</b>	<b>Lâm nghiệp</b>		
1	Diện tích rừng hiện có	ha	600.836,0
2	Diện tích rừng trồng mới trong năm	ha	10.000,0
3	Độ che phủ của rừng	%	53,46
4	Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	m <sup>3</sup>	800.000,0
<b>C</b>	<b>Thủy lợi</b>		
1	Kênh mương, đê được kiên cố hoá	km	7490
2	Diện tích canh tác được ngăn mặn	ha	8385
3	Diện tích canh tác được tưới tiêu cả năm	ha	3200
<b>D</b>	<b>Thủy sản</b>		
1	Diện tích nuôi trồng	ha	19.500,0
2	Sản lượng thủy sản trong năm	tấn	180.000,0
<b>Đ</b>	<b>Diêm nghiệp (tỉnh có ngành muối)</b>		
1	Sản lượng muối sản xuất trong năm	1.000 tấn	16,0
<b>E</b>	<b>Phát triển nông thôn</b>		
1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	380,0
2	Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	95,5
3	Số lao động nông thôn được đào tạo nghề	người	3200